

Bản án số: 01/2024/LĐ-ST.

Ngày 25-7-2024.

V/v “Tranh chấp về xử lý kỷ luật
lao động theo hình thức sa thải”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Chính.

2. Ông Liêu Trinh Húy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-LĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công M, sinh ngày 19/8/1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Công ty TNHH O.

Địa chỉ: Số E đường N, ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Tăng T – Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Lê Thị N, sinh ngày 16/5/1998; Địa chỉ liên hệ: ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2024 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 01 năm 2024, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Công M trình bày cho rằng ngày 01/6/2023, ông và Công ty TNHH O (gọi tắt Công ty) ký hợp đồng lao động số 11/HĐLĐ-O&H, thời hạn 12 tháng từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/5/2024, là công nhân tổ kho – Bao bì, lương 3.500.000 đồng/tháng nhưng thực tế công việc mà ông được phân công tại bộ phận thành phẩm. Đến ngày 22/10/2023, cha ông có dấu hiệu bệnh tai biến mạch máu não nên ông làm đơn xin nghỉ không hưởng lương từ ngày 22/10/2023 đến ngày 22/11/2023 trình cho tổ trưởng thành phẩm là ông Trương Minh H và quản đốc xưởng sản xuất ông Nguyễn Thành Q để xác nhận xin nghỉ, đồng thời cùng ngày ông tiến hành bàn giao công việc theo đúng trình tự xong thì tiến hành nghỉ. Đến ngày 09/11/2023, thấy tình hình sức khỏe của cha ổn định lại thì ông điện thoại cho quản đốc xưởng xin vào làm sớm hơn nhưng quản đốc báo cho biết Trợ lý giám đốc cho rằng ông nghỉ không báo, Công ty đã tuyển người mới vào thay vị trí và không nhận ông vào làm. Đến ngày 10/11/2023, ông khiếu nại công ty và công đoàn cơ sở Công ty thì được mời làm việc ngày 16/11/2023, kết quả ông Trần Văn N1 là đại diện Công ty và ông Lý Minh D đại diện công đoàn quyết định sa thải ông. Đến ngày 20/11/2023, ông được Công ty giao cho Quyết định sa thải số 48^A/QĐ-O&H ngày 30/10/2023. Việc Công ty cho rằng ông nghỉ không xin phép là không đúng, thực tế ông có làm đơn xin nghỉ gửi cho quản đốc xưởng duyệt là phù hợp quy định và trong thời gian nghỉ ông không nhận được thông báo của Công ty về việc không chấp nhận cho ông nghỉ theo đơn. Đối với Quyết định sa thải số 48^A/QĐ-O&H ngày 30/10/2023 đã vi phạm trình tự thủ tục xử lý kỷ luật lao động theo quy định của Bộ luật lao động nên ông khởi kiện yêu cầu giải quyết:

- Hủy bỏ quyết định sa thải số 48^A/QĐ-O&H, ngày 30/10/2023 của Công ty TNHH O.

- Buộc công ty trả tiền lương trong những ngày không đi làm tính từ ngày 23/11/2023 đến ngày 18/01/2024 là 6.380.000 đồng và từ ngày 19/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lương đã ký với công ty là 3.500.000 đồng/tháng, tính bình quân là 116.000 đồng/ngày là 15.392.000 đồng.

- Buộc công ty phải bồi thường 02 tháng tiền lương là 7.000.000 đồng.

- Buộc công ty phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho các ngày không được làm việc do ảnh hưởng của Quyết định sa thải.

- Và buộc Công ty có trách nhiệm nhận lại vào làm việc.

Tại phiên tòa ông rút lại yêu cầu khởi kiện buộc Công ty có trách nhiệm nhận lại vào làm việc và điều chỉnh thời gian yêu cầu Công ty T3 trong những ngày không đi làm từ ngày 23/11/2023 đến ngày 31/5/2024 làm tròn 06 tháng là 21.000.000 đồng, các yêu

cầu còn lại giữ nguyên theo đơn khởi kiện.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn Công ty TNHH O có người đại diện bà Lê Thị N trình bày: Công ty TNHH O ban hành Quyết định sa thải số 48^A/QĐ-O&H, ngày 30/10/2023 đối với ông Nguyễn Công M, do ông M đã vi phạm quy định là tự ý bỏ việc trên 05 ngày không có lý do. Vì vậy, Công ty TNHH O không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M. Tuy nhiên, việc sa thải ảnh hưởng quyền lợi của người lao động nên Công ty đồng ý hỗ trợ cho ông M 04 tháng tiền lương là 14.000.000 đồng.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự và người đại diện được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại tòa xác định yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận: Hủy Quyết định sa thải số 48^A/QĐ-O&H ngày 30/10/2023 của Công ty TNHH O đối với ông Nguyễn Công M. Buộc Công ty TNHH O có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Công M tiền công những ngày không làm việc do Quyết định sa thải trái pháp luật từ ngày 23/11/2023 đến ngày 31/5/2024 là 21.000.000 đồng và có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Công M 02 tháng tiền lương là 7.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Công ty TNHH O (gọi tắt Công ty) ban hành Quyết định sa thải số 48^A/QĐ-O&H, ngày 30/10/2023 đối với ông Nguyễn Công M, đến ngày 22/01/2024 ông M nộp đơn khởi kiện là đảm bảo thời hiệu theo quy định tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động. Xét yêu cầu khởi kiện là tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 41 Bộ luật lao động là thuộc trường hợp không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải; bị đơn có trụ sở Công ty tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Công M rút yêu cầu buộc Công ty có trách nhiệm nhận lại làm việc. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông M là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu đã rút.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công M, nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ lao động, các bên xác nhận:

Giữa ông M và Công ty TNHH O (gọi tắt Công ty) có quan hệ lao động theo hợp

đồng lao động số 11/HĐLĐ-O&H, ký kết ngày 01/6/2023, thời hạn 12 tháng từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/5/2024, chức danh là công nhân tổ kho – Bao bì, lương 3.500.000 đồng/tháng.

Đến ngày 30/10/2023, Công ty ra Quyết định số 48^A/QĐ-O&H xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải ông M do tự ý bỏ việc theo điểm 3.4, khoản 3, Điều 27 Nội quy lao động của Công ty TNHH O.

Đến ngày 16/11/2023, Công ty TNHH O tổ chức họp giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Công M.

[3.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Công M cho rằng ông có làm đơn xin nghỉ phép, bàn giao công việc và trình đơn xin nghỉ cho người quản lý trực tiếp phê duyệt xong mới tiến hành nghỉ không hưởng lương từ ngày 22/10/2023, Công ty không chứng minh được lỗi của người lao động. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động không đúng quy định pháp luật nên Công ty ra quyết định kỷ luật lao động sa thải ông là trái pháp luật.

[3.3] Về nội quy lao động: Ngày 12/7/2021, Công ty TNHH O ban hành nội quy lao động. Theo quy định tại điểm 3.4, khoản 3, Điều 27 của Nội quy lao động “3.4. *Người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày công dồn trong thời hạn 30 ngày hoặc 20 ngày cộng dồn trong thời hạn 365 ngày tính từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng. Trường hợp được coi là có lý do chính đáng bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, bản thân, thân nhân bị ốm có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền*” là không trái quy định tại Điều 118, Điều 125 Bộ luật lao động.

[3.4] Về thẩm quyền: Quyết định sa thải số 48^A/QĐ-O&H ngày 30/10/2023 đối với ông Nguyễn Công M được ông Trần Văn N1 ký ban hành. Căn cứ văn bản ủy quyền ngày 01/01/2024 của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH O thì ông Trần Văn N1 là người đại diện hợp pháp của người sử dụng lao động ký Quyết định sa thải đối với ông M đúng thẩm quyền.

[3.5] Về trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: Người lao động ông Nguyễn Công M có đơn xin nghỉ việc riêng không hưởng lương thời gian 01 tháng từ ngày 22/10/2023 đến ngày 22/11/2023, nộp đơn cho Nguyễn Thành Q là quản lý trực tiếp và ông Q cũng xác nhận ông M có đơn xin nghỉ không lương và ký xác nhận vào đơn xin nghỉ, vài ngày sau đó trình cho ông N1. Như vậy có căn cứ xác định người lao động ông Nguyễn Công M không tự ý nghỉ việc, trường hợp khi nhận đơn xin nghỉ không lương của ông M và không duyệt đơn xin nghỉ thì phía công ty có trách nhiệm thông báo cho ông M biết để vào làm nhưng Công ty đã không thực hiện việc thông báo này. Mặt khác, Công ty TNHH O trước khi ban hành Quyết định sa thải số 48^A/QĐ-O&H ngày 30/10/2023 đối với ông Nguyễn Công M không tiến hành làm việc với người lao động xác minh sự việc vi phạm và lập biên bản vi phạm, không tổ chức họp xử lý kỷ luật lao động là vi phạm quy định tại Điều 26 của Nội quy lao động Công ty và Điều 122 Bộ luật lao động. Mặc

dù tại phiên tòa đại diện Công ty giao nộp bổ sung biên bản vi phạm số 139 ngày 27/10/2023 và biên bản họp xét kỷ luật lao động nhưng biên bản không thể hiện sự có mặt của ông M, đồng thời công ty không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thông báo cho ông M biết để làm việc và tham gia họp xét kỷ luật. Tính thời gian ông M nghỉ việc ngày 22/10/2023 đến ngày 27/10/2023 là 06 ngày, theo biên bản vi phạm và biên bản họp xét kỷ luật lao động được đại diện bị đơn nộp bổ sung tại phiên tòa thì lập luận của người đại diện bị đơn cho rằng có thông báo cho ông M biết họp xét kỷ luật là không đảm bảo về thời gian thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 “2. Trong thời hiệu xử lý kỷ luật lao động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Lao động, người sử dụng lao động tiến hành họp xử lý kỷ luật lao động như sau:

a) Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành họp xử lý kỷ luật lao động, người sử dụng lao động thông báo về nội dung, thời gian, địa điểm tiến hành cuộc họp xử lý kỷ luật lao động, họ tên người bị xử lý kỷ luật lao động, hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật lao động đến các thành phần phải tham dự họp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 122 của Bộ luật Lao động, bảo đảm các thành phần này nhận được thông báo trước khi diễn ra cuộc họp;”. Qua phân tích cho thấy Công ty TNHH O thực hiện nguyên tắc, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động không đúng quy định của Điều 122 Bộ luật lao động và Điều 70 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020. Vì vậy, Quyết định số 48^A/QĐ-O&H ngày 30/10/2023 về xử lý kỷ luật lao động đối với ông Nguyễn Công M được xem là đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật.

[3.6] Theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động và Điều 73 Nghị định số Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 thì Công ty TNHH O có nghĩa vụ: Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Do đó nguyên đơn ông Nguyễn Công M yêu cầu công ty có trách nhiệm trả tiền công những ngày không làm việc do Quyết định sa thải trái pháp luật từ ngày 23/11/2023 đến ngày 31/5/2024 tính tròn 06 tháng theo yêu cầu là 21.000.000 đồng (3.500.000 đồng x 6), đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày không làm việc và phải trả thêm cho người lao động ông M một khoản tiền bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 7.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH O phải chịu án phí theo quy định.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 41, Điều 122 Bộ luật lao động; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công M,

- Hủy Quyết định sa thải số 48^A/QĐ-O&H, ngày 30/10/2023 của Công ty TNHH O.

- Buộc Công ty TNHH O phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Công M tại cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện T (Cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền), mức lương đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 3.500.000 đồng/tháng, thời gian đóng từ ngày 23/11/2023 đến ngày 31/5/2024. Công ty TNHH O được quyền trích từ khoản tiền phải trả cho ông M để thực hiện nghĩa vụ của người lao động quy định tại Luật Bảo hiểm xã Hội, Luật việc làm. Đồng thời ông Nguyễn Công M phải có trách nhiệm cùng Công ty TNHH O hoàn thiện thủ tục đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Buộc Công ty TNHH O phải trả cho ông Nguyễn Công M tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc và trả thêm 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tổng số tiền 28.000.000 đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công M về buộc Công ty TNHH O nhận lại làm việc.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH O phải chịu là 840.000 đồng (tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Công M được miễn tạm ứng án phí và án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh Mai

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Vào hồi 09 giờ 45 phút, ngày 25 tháng 7 năm 2024

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh M1.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Trinh H1.

Ông Huỳnh Văn C.

Tiến hành nghị án đối với vụ án lao động thụ lý số 01/2024/TLST-LĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Công M, sinh ngày 19/8/1994.

Địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH O.

Địa chỉ: Số E đường N, ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Tăng T – Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị N, sinh ngày 16/5/1998; Địa chỉ liên hệ: ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2024.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

- Điều a khoản 1 Điều 32, điều a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 41, Điều 122 Bộ luật lao động.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công M,

+ Hủy Quyết định sa thải số 48A/QĐ-O&H, ngày 30/10/2023 của Công ty TNHH O.

+ Buộc Công ty TNHH O phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Công M tại cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện T (Cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền), mức lương đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 3.500.000 đồng/tháng, thời gian đóng từ ngày 30/10/2023 đến ngày 31/5/2024. Công ty TNHH O được quyền trích từ khoản tiền phải trả cho ông M để thực hiện nghĩa vụ của người lao động quy định tại Luật Bảo hiểm xã Hội, Luật việc làm. Đồng thời ông Nguyễn Công M phải có trách nhiệm cùng Công ty TNHH O hoàn thiện thủ tục đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

+ Buộc Công ty TNHH O phải trả cho ông Nguyễn Công M tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc và trả thêm 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tổng số tiền 28.000.000 đồng.

+ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công M về buộc Công ty TNHH O nhận lại làm việc..

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về các vấn đề khác:

- Công ty TNHH O phải chịu là 840.000 đồng (28.000.000 đồng x 3%). Ông Nguyễn Công M được miễn tạm ứng án phí và án phí.

- Thông cáo các đương sự biết về quyền kháng cáo theo quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Ý kiến khác: không.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 15 phút cùng ngày có đọc lại cùng nghe, đồng ý thống nhất nội dung biên bản nghị án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

II. Chứng cứ và quan điểm

1. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Quyết định sa thải số 48A/QĐ-O&H ngày 30/10/2023.
- Biên bản làm việc về việc họp giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Công M (Đại diện Công ty, Đại diện công đoàn và người khiếu nại).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp số 2200750363 (bản scan, in màu).

- Quyết định số 39/QĐ-O&H ngày 12/7/2021 về việc ban hành nội quy của Công ty TNHH O (bản sao).
- Nội quy lao động (bản sao).
- Hợp đồng lao động số 11/HĐLD-O&H ngày 01/6/2023 (bản chính).
- Biên bản làm việc ngày 16/11/2023 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Công M (bản sao, tờ thứ 2 không đóng giáp lai).
- Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 04/01/2024 (bản pho to)
- Giấy ủy quyền ngày 01/01/2024, ông Tăng T – giám đốc Công ty TNHH O ủy quyền cho ông Trần Văn N1 (bản chính).
- Giấy ủy quyền ngày 09/4/2024, ông Trần Văn N1 ủy quyền cho bà Lê Thị N (bản chính).

2. Quan điểm

- Đối với nguyên đơn ông M: Có đơn xin nghỉ việc riêng không hưởng lương thời gian 01 tháng từ ngày 22/10/2023-22/11/2023, nộp đơn cho Nguyễn Thành Q là quản lý trực tiếp của ông M nhưng ông Q không chuyển đơn đến Ban giám đốc duyệt. Đến ngày 30/10/2023, ông Trần Văn N1 được ủy quyền quản lý Công ty ký Quyết định sa thải
- Đối với bị đơn Công ty TNHH O: Khi ký quyết định sa thải ông Nguyễn Công M vi phạm Điều 26 của Nội quy lao động và Điều 122 Bộ luật lao động, như:
 - + Không lập biên bản vi phạm
 - + Người lao động không chứng minh được lỗi của người lao động (người lao động có nộp đơn xin nghỉ, bộ phận quản lý trực tiếp không chuyển BGĐ phê duyệt và khi BGĐ nhận được đơn xin nghỉ không đồng ý cho ông M nghỉ cũng không thông báo cho người lao động biết quay trở lại đi làm).
 - + Không tổ chức họp xử lý kỷ luật lao động (người lao động được mời họp ngày 16/11/2023, trước đó thì ngày 30/10/2023 Công ty đã Ban hành Quyết định sa thải)

Quan điểm giải quyết:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp về xử lý kỷ luật sa thải và bồi thường thiệt hại khi sa thải trái pháp luật.
- Căn cứ 41 Bộ luật lao động quy định.
 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công M.
- + Buộc Công ty TNHH O Loong Pty phải nhận người lao động ông Nguyễn Công M trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết (Đến ngày 31/5/2024 thì hợp đồng lao động hết hạn – khi xử thì xử lý ntn?)

+ Buộc Công ty TNHH O phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Công M tại cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện T (Cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền), mức lương đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 3.500.000 đồng/tháng, thời gian đóng từ ngày 30/10/2023 đến ngày 31/5/2024. Công ty TNHH O được quyền trích từ khoản tiền phải trả cho ông M để thực hiện nghĩa vụ của người lao động quy định tại Luật Bảo hiểm xã Hội; Đồng thời ông Nguyễn Công M phải có trách nhiệm cùng Công ty TNHH O hoàn thiện thủ tục đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

+ Buộc Công ty TNHH O phải trả cho ông Nguyễn Công M tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc và bồi thường 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tổng số tiền.....

➤ Vướng:

1. Có cần đưa ông Nguyễn Thành Q (quản lý nhận đơn xin nghỉ của ông M) và Bảo hiểm xã hội huyện T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không?

2. Khi tuyên phải tuyên hủy Quyết định sa thải.... hay tuyên Quyết định là trái pháp luật.

Người báo cáo

Trần Thị Thanh M1

III. Quan điểm:

1. Quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng và chuyển đổi quyền sử dụng đất.

2. Dù căn cứ xác định giữa ông X và ông K, bà C1 có thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 237 là 01 công 01 góc 4 và chuyển đổi phần đất của thửa số 71 với thửa số 237.

➤ Hợp đồng chuyển đổi: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông Trần Minh X1 với ông Trần Văn K1 và bà Hà Thị C2 đối với phần đất thửa số 237 của ông K1 và phần đất thửa số 71 của ông X1.

➤ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có 02 quan điểm:

- Công nhận hợp đồng:

Tại thời điểm ông X1 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng, ông Trần Văn K1 và bà Hà Thị C2 đã thi hành án đối với khoản tiền vay của Ngân hàng TMCP Đ, quyền sử dụng đất thế chấp đã xóa thế chấp.

Các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ trong giao dịch là bên mua giao đủ vàng và bên bán giao đủ diện tích đất chuyển nhượng, thuộc trường hợp được công nhận theo quy định khoản 1 Điều 129 BLDS.

- Không công nhận:

Thời điểm chuyển nhượng, quyền sử dụng đất thửa số 237 đang thế chấp đảm bảo nghĩa vụ tiền vay.

Mặc dù Chi cục THADS không ra Quyết định cưỡng chế kê biên thi hành án đối với quyền sử dụng đất thửa số 237, nhưng các bên đương sự thống nhất cho ông Trần Văn K1 và bà Hà Thị C2 tự bán phần đất thửa số 237 để thi hành số tiền còn nợ của ngân hàng Đ, cho ông L và ông Trần Hoàng T2. Ông M2 đồng ý nhận chuyển nhượng phần đất này, thanh toán được 90.000.000 đồng cho ông K1 và bà C2 giao nộp cho Chi cục THADS

Vướng: Ảnh hưởng đến quyền lợi của ông X1, theo giấy phần đất thửa số 6.000m² (ông X1 sử dụng 2.795,5m² và ông M2 sử dụng một phần) nhưng chuyển nhượng giá 150.000.000 đồng là thấp so với giá thị trường.

3. Chi phí tố tụng:

- Án phí:

Ông K1, bà C2 phải chịu là 300.000 đồng (có phải tính 02 quan hệ pháp luật tranh chấp nên $\times 2 = 600.000$ đồng không?)

Ông Trần Minh X1 được miễn nộp tạm ứng án phí

- Chi phí tố tụng khác: Buộc ông K1 và bà C2 phải chịu là 10.095.666 đồng.

Ông Trần Minh X1 nộp tạm ứng 10.095.666 đồng theo phiếu thu số 050/GĐ ngày 10/7/2023 và 030/GĐ ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Người báo cáo

Trần Thị Thanh M1

